

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TĐC21B** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02111** Học kỳ: **02**
Tên môn học/ Mô đun: **Kỹ năng giao tiếp**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTĐC0267	Huỳnh Văn Bo	19/04/2006				7.5	6.5				6.5		6.6
2	21BTĐC0268	Lê Nguyễn Tiến Đạt	21/02/2006				5.5	6.0				7.5		6.8
3	21BTĐC0269	Phùng Văn Đông	22/04/2006				6.5	6.0				7.0		6.7
4	21BTĐC0270	Nguyễn Nhật Trường Em	12/01/2006				7.5	7.0				6.0		6.5
5	21BTĐC0271	Nguyễn Hồng Gia	19/11/2005				6.5	6.0				5.5		5.8
6	21BTĐC0278	Ngô Tuấn Khang	29/11/2006				7.5	7.0				6.0		6.5
7	21BTĐC0279	Nguyễn Nhựt Khang	15/08/2006				7.5	7.0				6.5		6.8
8	21BTĐC0282	Lâm Tuấn Kiệt	12/07/2006				7	5.5				6.5		6.3
9	21BTĐC0283	Võ Tuấn Kiệt	18/11/2006				6.5	5.5				6.5		6.2
10	21BTĐC0286	Nguyễn Hữu Lượng	04/12/2006				7.5	6.0				5.5		5.9
11	21BTĐC0291	Nguyễn Bảo Phúc	23/06/2006				7	7.5				6.5		6.8
12	21BTĐC0293	Hà Quốc Thắng	27/12/2006				8	0.0				0.0	0.0	1.1
13	21BTĐC0294	Ngô Trung Thành	22/02/2006				8	7.0				6.5		6.8
14	21BTĐC0296	Võ Thành Tín	01/05/2003				0	0.0				0.0	0.0	0.0
15	21BTĐC0299	Lương Khiết Tường	23/08/2006				6.5	6.0				6.5		6.4

Châu Đốc, ngày 6 tháng 4 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Văn Ngọc